TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc+**

Bản án số: 37/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20/4/2026
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trâm

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Trần Khoa

Bà Lê Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trưng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 235/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1997
Địa chỉ: Ô lô A H, phường N, tỉnh Khánh Hòa.
Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông **Lê Ngọc Thái T1**, sinh năm 1997
Địa chỉ: Tổ D T, phường V - thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 2024, bà và ông Lê Ngọc Thái T1 tự nguyện yêu thương nhau, về sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp; ông T1 không lo làm ăn, mê chơi games và khi vợ chồng cãi nhau thì có những lời lẽ xúc phạm bà. Mặc dù bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T1 vẫn không thay đổi. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, từ tháng 4/2025 đến nay, bà và ông T1 đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà thuê nhà trọ tại nhiều địa điểm khác nhau. Hiện tại, ngoài địa chỉ thường trú tại căn cước công dân của ông T1 thì bà không cung cấp được địa chỉ nào khác. Nay, bà xác định không

còn tình cảm với ông T1 nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Ngọc Thái T1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi sinh sống, cư trú cuối cùng tại phường N, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo kết quả xác minh của Công an phường N thể hiện: Bị đơn ông Lê Ngọc Thái T1 vẫn còn đăng ký thường trú tại Tổ D T, phường V - thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa nhưng không còn sinh sống tại địa chỉ trên từ tháng 01/2024, hiện không rõ đi đâu, làm gì và chưa thực hiện thủ tục khai báo nơi cư trú theo quy định. Ngoài địa chỉ trên, nguyên đơn cũng không cung cấp được địa chỉ cư trú, làm việc nào khác của bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường N, tại trụ sở Tòa án; đồng thời thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 và Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày, không nộp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và đã được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Ngọc Thái T1 kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường V cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 58 ngày 10/7/2024 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của nguyên đơn cho thấy sau khi kết hôn, giữa hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Từ tháng 04/2025 đến nay, bà T và ông T1 đã chấm dứt việc chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ và kiên quyết yêu cầu chấm dứt mối quan hệ hôn nhân với ông T1. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông T1 đã rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được và yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Do bị đơn ông Lê Ngọc Thái T1 chưa có lời khai về vấn đề này nếu sau này đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 2 Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn bà T là người có yêu cầu thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bị đơn nên phải chịu lệ phí với số tiền 3.255.000 đồng.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147; khoản 2 Điều 180; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lê Ngọc Thái T1.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T xác định không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Do bị đơn ông Lê Ngọc Thái T1 chưa có lời khai về vấn đề này nếu sau này đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị T phải chịu lệ phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bị đơn và đã nộp đủ số tiền là 3.255.000 đồng *(Ba triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng)*.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ

(Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001748 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND Khu vực 1 - Khánh Hòa;
- UBND phường Vĩnh Trường
nay là UBND Phường Nam Nha Trang
(Nơi đăng ký kết hôn);
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Bảo Trâm